

Số: 96 /TB-HVPNVN

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy và quy tắc quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-HVPNVN ngày 15/02/2026 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-HVPNVN ngày 19/5/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-HVPNVN ngày 15/02/2026 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDDH ngày 06/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026 điểm học tập bậc trung học phổ thông;

Học viện Phụ nữ Việt Nam (Học viện) thông báo:

#### I. Về ngưỡng đảm bảo chất lượng trong xét tuyển năm 2026

Thí sinh tham gia xét tuyển phương thức xét kết quả học tập THPT ngoài các điều kiện đã công bố tại Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Học viện, cần đáp ứng điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trình độ đại học hình thức chính quy như sau:



TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng điểm xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026	Ngưỡng điểm xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ) (áp dụng Phương thức 200 và 500)	Ngưỡng điểm xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của trường ĐHQGHN năm 2026 (HSA)	Ngưỡng điểm xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của trường ĐHSPHN năm 2026 (SPT)
<b>I</b>	<b>Đào tạo tại Hà Nội (Mã trường HPN)</b>						
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	18	21	63	11.91
2	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101E	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	18	21	63	11.91
3	Luật	7380101	A00, A01, C00, D01, D14, D15	Theo quy định và thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo áp dụng cho tuyển sinh đại học năm 2026 (Học viện sẽ Thông báo khi có văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo)			
4	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01, D14, D15				
5	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D09, X06, X26	16	19	54	10.03
6	Thiết kế và phát triển Game	74802011	A00, A01, D01, D09, X06, X26	16	19	54	10.03
7	Công tác xã hội	7760101	C00, C03, D01, D14, D15	16	19	54	10.03
8	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội	77601011	C00, C03, D01, D14, D15	16	19	54	10.03
9	Giới và Phát triển	7310399	C00, C03, D01, D09, D14, D15	16	19	54	10.03
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	18	21	63	11.91
11	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, C03, D01, D14, D15	19	23	68	12.85
12	Truyền thông xã hội	73201041	C00, C03, D01, D14, D15	18	21	63	11.91

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng điểm xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026	Ngưỡng điểm xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ) (áp dụng Phương thức 200 và 500)	Ngưỡng điểm xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của trường ĐHQGHN năm 2026 (HSA)	Ngưỡng điểm xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của trường ĐHSPHN năm 2026 (SPT)
13	Kinh tế	7310101	A00, A01, C03, D01, D07, X26	16	19	54	10.03
14	Kinh tế (Chất lượng cao)	7310101E	A00, A01, C03, D01, D07, X26	16	19	54	10.03
15	Tâm lý học	7310401	C00, C03, D01, D14, D15	18	21	63	11.91
16	Kinh tế số	7310109	A00, A01, C03, D01, D07, X26	16	19	54	10.03
17	Marketing	7340115	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	16	19	54	10.03
<b>II</b>	<b>Đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh (Mã trường SPN)</b>						
1	Công tác xã hội	7760101	C00, C03, D01, D14, D15	16	19	54	10.03
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	16	19	54	10.03

- Đối với phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026:

+ Chương trình Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao), Kinh tế (Chất lượng cao): Thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 cập nhật kèm theo Quyết định số 545/QĐ-HVPNVN ngày 21/5/2026 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển) hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh trong các tổ hợp đăng ký xét tuyển (ĐKXT)  $\geq 5.0$  (Bằng chữ: năm phẩy không).

+ Chương trình Công nghệ thông tin, Thiết kế và phát triển Game: điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán trong các tổ hợp ĐKXT  $\geq 6.0$  (*Bằng chữ: sáu phẩy không*).

- Đối với phương thức Xét kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT), Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) tổ chức năm 2026.

+ Chương trình Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao), Kinh tế (Chất lượng cao): Thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 cập nhật kèm theo Quyết định số số 545/QĐ-HVPNVN ngày 21/5/2026 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển) hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh trong các tổ hợp đăng ký xét tuyển (ĐKXT)  $\geq 5.0$  (*Bằng chữ: năm phẩy không*).

+ Chương trình Công nghệ thông tin, Thiết kế và phát triển Game: điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán trong các tổ hợp ĐKXT  $\geq 6.0$  (*Bằng chữ: sáu phẩy không*).

- Đối với phương thức Sử dụng phương thức khác – Mã 500 (áp dụng cho đối tượng dự bị đại học).

+ Đối với chương trình Công nghệ thông tin và chương trình Thiết kế và phát triển Game, điểm trung bình chung học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Toán trong các tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 7.0$  điểm (*Bằng chữ: bảy phẩy không*).

+ Đối với chương trình Quản trị kinh doanh chất lượng cao, Kinh tế chất lượng cao thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 cập nhật kèm theo Quyết định số số 545/QĐ-HVPNVN ngày 21/5/2026 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển) hoặc có điểm trung bình kết quả học tập 03 năm lớp 10, 11, 12 môn tiếng Anh  $\geq 8.0$  điểm (*Bằng chữ: tám phẩy không*).

+ Chương trình Luật, Luật kinh tế: Điểm trung bình chung học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 6.0$  điểm (*Bằng chữ: sáu phẩy không*) và điểm trung bình chung kết quả học tập 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của cả năm lớp 10, 11, 12 phải  $\geq 18.0$  điểm.

**II. Quy định độ lệch điểm giữa các tổ hợp, quy tắc quy đổi điểm giữa các phương thức xét tuyển**

**2.1. Độ chênh lệch điểm trúng tuyển theo chương trình giữa các tổ hợp**

- Tổ hợp D01 không có sự chênh lệch điểm với tổ hợp A00 (áp dụng đối với các chương trình).

- Tổ hợp D01 chênh so với tổ hợp C00 là +1 điểm (áp dụng đối với các chương trình Luật; Luật Kinh tế; Công tác xã hội; Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội; Giới và Phát triển; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành).

- Tổ hợp D01 chênh so với các tổ hợp A01, D07, D09, C03, D14, D15, X06, X26 là +0.5 điểm (áp dụng đối với các chương trình).

### **2.2. Quy tắc quy đổi điểm giữa kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) với điểm thi tốt nghiệp THPT**

Theo Thông báo số 299/TB-ĐTSKT ngày 02 tháng 07 năm 2026 của Viện trưởng Viện Đào tạo số và Khảo thí.

### **2.3. Quy tắc quy đổi điểm giữa kết quả đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) về điểm thi tốt nghiệp THPT**

Theo Thông báo số 896/TB-ĐHSPHN ngày 03/07/2026 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về các tham số kỹ thuật để quy đổi điểm xét tuyển năm 2026.

### **2.4. Quy tắc quy đổi điểm giữa các phương thức xét tuyển**

TT	Điểm thi TN THPT	Điểm kết quả học tập THPT (học bạ)	Điểm thi đánh giá năng lực ĐHQGHN (HSA)	Điểm thi đánh giá năng lực ĐHSPHN (SPT)
Khoảng 1	26.00 - 30.00	27.00 - 30.00	112 - 133	21.35 - 30.00
Khoảng 2	24.00 - 26.00	25.50 - 27.00	98 - 112	18.45 - 21.35
Khoảng 3	22.50 - 24.00	24.00 - 25.50	88 - 98	16.70 - 18.45
Khoảng 4	21.00 - 22.50	23.00 - 24.00	79 - 88	15.00 - 16.70
Khoảng 5	19.00 - 21.00	22.00 - 23.00	68 - 79	12.85 - 15.00
Khoảng 6	16.00 - 19.00	19.00 - 22.00	54 - 68	10.03 - 12.85

### **2.5. Về công thức quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển năm 2026**

- Công thức nội suy tuyến tính quy đổi điểm giữa các phương thức xét tuyển:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} * (d - c)$$

Giải thích cụ thể:

- y là mức điểm được quy đổi sang phương thức gốc từ các phương thức khác.

- c là ngưỡng dưới trong khoảng phân vị của phương thức gốc.

- d là ngưỡng trên trong khoảng phân vị của phương thức gốc.

- x là điểm của thí sinh ở phương thức khác.
- a là ngưỡng dưới trong khoảng phân vị của phương thức khác.
- b là ngưỡng trên trong khoảng phân vị của phương thức khác.

Thí sinh tra cứu điểm quy đổi tại đường link sau:  
<https://tuyensinh.hvpng.edu.vn/>

Học viện Phụ nữ Việt Nam trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Website Học viện; Website Tuyển sinh;  
Website Phân hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC *lq*

**Trần Quang Tiến**